TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập–Tự do–Hạnh phúc

Bản án số:13/2018/ DS-ST
Ngày: 06 - 4 - 2018
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
-*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Võ Công Bằng
-*Các hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Nguyễn Văn Trước
2. Ông Lê Việt Hùng

-Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Tuyết Hoa –Thư ký Toà án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

-Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Long Hồ: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 06 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số: 168/ 2017/ TLST- DS ngày 01 tháng 12 năm 2017, về việc " Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2018/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 03 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2018/QĐST-DS, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A
Địa chỉ: Số 130, Phan Đăng Lưu, phường 3, Quận N, thành phố M.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Quang D – Chức vụ: Giám đốc Ngân hang thương mại cổ phần A – Chi nhánh L.
Người đại diện theo ủy quyền của ông Trương Quang D là ông Võ Thành A.
Địa chỉ: Số 60/3A, Phạm Thái Bường, phường 4, thành phố L, tỉnh L(Theo văn bản ủy quyền số 135/QĐ-DAB ngày 17/11/2017)

2.Bị đơn: Chị Cao Phương L, sinh năm: 1979 (vắng mặt)
Địa chỉ: Số 10/1, khóm 4, thị trấn H, huyện H, tỉnh L.

3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bảo hiểm xã hội huyện H
Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn H, huyện H, tỉnh L
Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Đ - Chức vụ: Giám đốc (có đơn xin vắng mặt).

2/ Trường Mầm non Đ
Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện H, tỉnh L

Người đại diện theo pháp luật: Lê Thị Bích T – Chức vụ: Hiệu trưởng (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện ngày 28/11/2017 và trong quá trình tham gia tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Võ Thành A trình bày:

Chị Cao Phương L có quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP A thể hiện qua giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ, danh sách cho vay trả góp giải ngân bằng tiền mặt ngày 20/02/2013. Cụ thể Ngân hàng TMCP A cho chị L vay số tiền 27.000.000 đồng, mục đích vay để mua xe, lãi suất trong hạn 12%/năm, lãi suất quá hạn 18%/năm, thời hạn vay 36 tháng (từ ngày 20/02/2013 đến ngày 20/02/2016), chị L có trách nhiệm trả số tiền gốc 27.000.000 đồng, tiền lãi là 9.720.000 đồng, hàng tháng chị L phải trả gốc, lãi là 1.021.000 đồng, kỳ cuối cùng phải trả 985.000 đồng.

Trong quá trình vay chị L trả được: 7.887.595 đồng tiền gốc và 5.385.405 đồng tiền lãi trong hạn. Tổng cộng là 13.273.000 đồng. Theo chiết tính chị L nộp được 13 kỳ (đến ngày 20/3/2014), các lần trả nợ chị L nộp không đúng hạn, số ngày vi phạm Ngân hàng TMCP A chuyển sang nợ quá hạn. Do chị L đã vị phạm nghĩa vụ trả nợ nên từ ngày 20/4/2014 Ngân hàng TMCP A đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 06/4/2018 chị L còn nợ các khoản sau: Gốc:19.112.405 đồng, lãi trong hạn: 4.334.595 đồng, lãi quá hạn đến ngày xét xử 06/4/2018 là: 13.363.557 đồng. Tổng cộng: 36.810.557 đồng.

Ngân hàng TMCP A yêu cầu chị L trả số tiền 36.810.557 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử trên số nợ gốc còn lại theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định tại giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ, danh sách cho vay trả góp giải ngân bằng tiền mặt ngày 20/02/2013.

-Bị đơn chị Cao Phương L: Vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng không có bản khai ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

-Tại văn bản ngày 30/01/2018 của Trường Mầm non Đ có ý kiến như sau: Chị Cao Phương L đã nghĩ việc từ ngày 01/9/2015. Người ký đơn cho chị L vay tiền là cô Phạm Thị Ngọc B – Nguyên hiệu trưởng trường Mẫu giáo Đ, hiện nay cô đã chuyển về công tác tại trường M thị trấn H. Nhà trường không biết chị L vay tiền bao nhiêu và còn nợ lại bao nhiêu. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A, trường Mầm non Đ không có ý kiến và không tham gia vào việc giải quyết bụ án.

-Tại văn bản số 15/BHXH ngày 27/02/2018 Bảo hiểm xã hội huyện H có ý kiến như sau: Theo dữ liệu của Bảo hiểm xã hội huyện H quản lý, chị Cao Phương L tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 9 năm 2009 đến tháng 8 năm 2015 tại trường Mẫu giáo Đ thì nghĩ việc. Căn cứ Điều 60-Luật 58/2014/QH13 Luật bảo hiểm xã hội, chị L đủ điều kiện hưởng bảo hiểm xã hội trợ cấp một lần sau 01 năm nghĩ việc mà chưa đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội và không tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội. Nếu chị L có yêu cầu nhận trợ cấp một lần thì cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện H sẽ gải quyết trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần cho chị L. Về yêu cầu khởi kiện của

Ngân hàng TMCP A, Bảo hiểm xã hội huyện H không có ý kiến và không tham gia vào việc giải quyết vụ án.

-Ý kiến của anh Võ Thành A tại phiên tòa: Anh A vẫn bảo lưu yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Yêu cầu chị L trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền gốc: 19.112.405 đồng, tiền lãi trong hạn: 4.334.595 đồng, tiền lãi quá hạn: 13.363.557 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi trên số nợ gốc với lãi suất nợ quá hạn 18%năm. Ngân hàng TMCP A không có yêu cầu gì đối với số tiền Bảo hiểm xã hội của chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là chị Cao Phương L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần, nhưng vắng mặt tại phiên Tòa không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị L.

Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện vào năm 2013. Thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 có hiệu lực nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

[2]. Xét tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng (Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ, danh sách cho vay trả góp giải ngân bằng tiền mặt ngày 20/02/2013).

Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ, danh sách cho vay trả góp giải ngân bằng tiền mặt ngày 20/02/2013, được ký kết giữa Ngân hàng TMCP A với chị Cao Phương L vào này 20/02/2013 trên cơ sở tự nguyện tuân thủ về mặt nội dung và hình thức, phù hợp với quy định tại Điều 121, Điều 122, Điều 124 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đủ cơ sở để xác định vào ngày 20/2/2013 Ngân hàng TMCP A có cho chị L vay số tiền 27.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 12%/năm, lãi suất quá hạn 18%/năm. Thời hạn vay 36 tháng, chị L có trách nhiệm trả tiền gốc và lãi là 36.720.000 đồng, hàng tháng trả gốc và lãi là 1.021.000 đồng, kỳ cuối cùng phải trả 985.000 đồng.

Qúa trình thực hiện hợp đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc và lãi tính đến ngày 06/4/2018 là 36.810.557 đồng.

[3.1]. Về số tiền gốc: Chị L đã nhận 27.000.000 đồng. Chị L đã trả được 7.887.595 đồng, còn lại 19.112.405 đồng. Do đó Ngân hàng TMCP A yêu cầu trả 19.112.405 đồng tiền gốc là có cơ sở chấp nhận. Phù hợp với quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

[3.2]. Về số tiền lãi trong hạn: Theo thỏa thuận chị L có trách nhiệm phải trả 9.720.000 đồng tiền lãi. Chị L đã trả được 5.385.405 đồng. Còn nợ lại 4.334.595 đồng.

[3.3]. Về số tiền lãi quá hạn: Từ ngày 20/02/2013 đến ngày 20/4/2014 do chị L trả không đúng hạn vào các kỳ trả nợ nên số ngày vi phạm chị L phải chịu tiền lãi quá hạn của các lần vi phạm. Từ ngày 20/4/2014 do chị L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng TMCP A đã chuyển toàn bộ số nợ gốc sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 06/4/2018, chị L còn nợ 13.363.557 đồng.

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định " *Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*". Do đó Ngân hàng TMCP A yêu cầu chị L trả tiền lãi trong hạn là 4.334.595 đồng và quá hạn là 13.363.557 đồng là có cơ sở chấp nhận. Phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Việc trả nợ và tính lãi được thể hiện trong bảng sao kê hoạt động của khách hàng vay và bảng chiết tính lãi vay chi tiết được Ngân hàng TMCP A cung cấp là chính xác phù hợp với nội dung thỏa thuận tại giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ, danh sách cho vay trả góp giải ngân bằng tiền mặt ngày 20/02/2013. Đối với chị L đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xem như chị L đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh và thừa nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những phân tích trên cho thấy việc Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu chị L trả số tiền gốc và lãi 36.810.557 đồng là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4]. Ngoài ra sau ngày xét xử nguyên đơn còn yêu cầu bị đơn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc với lãi suất nợ quá hạn 18%/năm.

Xét thấy tại giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 20/02/2013 có thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn. Do chị L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu chị L phải trả tiền lãi theo lãi suất nợ quá hạn trên số nợ gốc chưa thanh toán là có cơ sở, phù hợp với án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc chị L phải nộp toàn bộ tiền án phí Dân sự sơ thẩm. Tiền án phí được tính như sau: 36.810.557 đồng x 5% = 1.840.527 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Điều 3, Điều 26 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc chị Cao Phương L trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền gốc: 19.112.405 đồng, lãi trong hạn: 4.334.595 đồng, lãi quá hạn: 13.363.557 đồng. Tổng cộng là: 36.810.557 đồng (Ba mươi sáu triệu, tám trăm mười ngàn, năm trăm năm mươi bảy đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm chị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi nợ quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất nợ quá hạn là 18%/năm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

3.Về án phí: Buộc chị Cao Phương L nộp 1.840.527 đồng (Một triệu, tám trăm bốn mươi ngàn, năm trăm hai mươi bảy đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP A 863.000 đồng (Tám trăm sáu mươi ba ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo lai thu số 0001153 ngày 28/11/2017 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử có mặt nguyên đơn, bị đơn báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày sau ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú./.

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh Vĩnh Long;
-VKSND huyện Long Hồ;
-CC THADS huyện Long Hồ;
-Các đương sự trong vụ án;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Công Bằng